

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia công nghiệp hỗ trợ: Kinh nghiệm thế giới và bài học cho Việt Nam

TS. PHẠM VĂN HỒNG*

Vai trò to lớn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ (CNHT) đối với quá trình phát triển kinh tế của mỗi quốc gia, đặc biệt đối với những quốc gia đang phát triển đã được khẳng định trong thực tiễn. Tại Việt Nam, DNNVV chiếm hơn 97% tổng số doanh nghiệp và có đóng góp to lớn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Mặc dù Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, chương trình hỗ trợ phát triển CNHT, nhưng vẫn chưa thu hút được nhiều DNNVV tham gia hoạt động trong lĩnh vực CNHT. Trên cơ sở nghiên cứu các chính sách hiện hành của Nhà nước về hỗ trợ phát triển CNHT; nghiên cứu kinh nghiệm hỗ trợ các DNNVV tham gia CNHT của một số quốc gia trên thế giới và kết hợp với việc đánh giá những cơ hội và lợi thế của các DNNVV khi tham gia CNHT, bài viết đề xuất một số giải pháp và bài học kinh nghiệm nhằm hỗ trợ các DNNVV tham gia thành công trong lĩnh vực CNHT của Việt Nam.

Từ khóa: DNNVV, CNHT, hỗ trợ phát triển.

Phát triển CNHT có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình CNH - HĐH của mỗi quốc gia. Muốn hình thành và phát triển các ngành công nghiệp hiện đại, nhất là những ngành công nghiệp như sản xuất ô tô, xe máy, điện tử, điện lạnh... một cách hiệu quả thì các nước đang phát triển phải thực hiện thành công việc nội địa hóa một cách cơ bản các ngành công nghiệp đó. Muốn vậy, phải phát triển mạnh CNHT để các sản phẩm của nó thay thế dần, các sản phẩm nhập khẩu.

Các nước trên thế giới đã có chính sách phát triển CNHT từ rất sớm để phục vụ cho nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp (DN) FDI, điển hình như Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia và Trung Quốc... Để phát triển được các ngành

công nghiệp trọng điểm, các quốc gia đã khuyến khích việc thành lập các DNNVV là các DN vệ tinh sản xuất các sản phẩm đầu vào cho các DN lớn. Với đặc thù về quy mô nhỏ và vừa là phù hợp với lĩnh vực CNHT, tính linh hoạt của các DNNVV là điều kiện thuận lợi trở thành các DN vệ tinh cho các doanh nghiệp lớn.

Tại Việt Nam, các vấn đề lý luận cũng như chính sách phát triển ngành CNHT chỉ được chú trọng trong những năm gần đây, nhưng việc triển khai còn chậm, đặc biệt chậm trễ trong quy hoạch, xây dựng và ban hành chính sách cho CNHT. Điều đó đã gây ra nhiều bất cập, khó khăn trong việc thu hút các doanh nghiệp tham gia vào CNHT, và tạo sức ép lớn cho quá trình phát triển CNHT ở Việt Nam trong những năm tới.

* Trường Cao đẳng công nghệ Viettronics.

Một số lĩnh vực công nghiệp đặt ra mục tiêu, kế hoạch nâng cao tỷ lệ nội địa hóa cùng với đó là các chính sách ưu đãi được triển khai mạnh mẽ nhưng hầu như chưa có lĩnh vực nào đạt kết quả như mong muốn. Thực trạng này là do có quá ít DN Việt Nam tham gia CNHT, nếu có thì chủ yếu tham gia khâu đóng gói, bao bì, lắp ráp. Hiện nay, phần lớn các nhà cung cấp linh kiện phụ tùng cho các công ty nước ngoài chủ yếu là các DN FDI. Khoảng cách về tiêu chuẩn chất lượng giữa các DN trong và ngoài nước còn khá lớn. Cùng với đó, các cụm công nghiệp cũng được hình thành thiếu quy hoạch tổng thể, chủ yếu để giải quyết vấn đề mặt bằng sản xuất hơn là việc tạo nên chuỗi giá trị thông qua việc liên kết DN... Các doanh nghiệp FDI rất muốn phối hợp với các nhà cung cấp, các DNNVV trong nước để giảm chi phí sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, nhưng rất khó có thể tìm được nhà cung cấp đáp ứng được các yêu cầu đặt ra. Từ thực tế trên cho thấy, việc phát triển hệ thống các DNNVV tham gia vào ngành CNHT là nhân tố quan trọng trong việc góp phần thực hiện quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, khai thác một cách tốt nhất các tiềm năng và nguồn lực của đất nước.

Trên cơ sở nghiên cứu các chính sách của Nhà nước về hỗ trợ phát triển CNHT; nghiên cứu kinh nghiệm hỗ trợ các DNNVV tham gia CNHT của một số quốc gia trên thế giới và kết hợp với việc đánh giá những cơ hội và lợi thế của các DNNVV khi tham gia CNHT, để tìm ra một số giải pháp và bài học kinh nghiệm trong việc hỗ trợ các DNNVV tham gia thành công trong lĩnh vực CNHT của Việt Nam là rất cần thiết.

2. Cơ hội và lợi thế của các DNNVV của Việt Nam khi tham gia CNHT

1.1. Chính sách hỗ trợ phát triển CNHT của Việt Nam

Năm 2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2015/NĐ-CP quy định các chính sách hỗ trợ, chính sách ưu đãi nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ, trong đó, tập trung vào hỗ trợ một số lĩnh vực cơ bản sau:

Về nghiên cứu và phát triển

Các tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển được ưu đãi, hỗ trợ, tài trợ từ Chương trình phát triển CNHT, hỗ trợ từ các quỹ, nguồn kinh phí khác dành cho nghiên cứu, phát triển và đào tạo; Được xem xét hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu và phát triển từ Chương trình phát triển CNHT đối với trường hợp tự đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả cao; Được Nhà nước hỗ trợ tối đa đến 50% kinh phí đối với Dự án sản xuất thử nghiệm các sản phẩm CNHT.

Các dự án xây dựng cơ sở nghiên cứu và phát triển sản xuất sản phẩm CNHT được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và được hưởng các ưu đãi sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai; được xem xét hỗ trợ tối đa 50% kinh phí đầu tư trang thiết bị nghiên cứu từ Chương trình Phát triển CNHT.

Về ứng dụng và chuyển giao công nghệ

Các tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển được hưởng ưu đãi của pháp luật về chuyển giao công nghệ và các ưu đãi khác theo quy định hiện hành. Hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển được hỗ trợ từ Chương trình Phát triển CNHT như các dự án, đề án hợp tác giữa DN sản xuất và các đơn vị có công nghệ ứng dụng trong việc chuyển giao công nghệ được hỗ trợ một phần kinh phí; Chi phí chế tạo thử nghiệm sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển được hỗ trợ tối đa đến 50%.

Nhà nước hỗ trợ tối đa đến 75% chi phí chuyển giao công nghệ đối với Dự án sản xuất vật liệu có sử dụng trên 85% nguyên liệu là sản phẩm của quá trình chế biến sâu khoáng sản trong nước bao gồm quặng kim loại, quặng phi kim loại và sản phẩm hóa dầu để phục vụ cho sản xuất sản phẩm CNHT.

Về phát triển nguồn nhân lực

Các dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển được hỗ trợ kinh phí từ Chương trình Phát triển CNHT cho đào tạo nguồn nhân lực; Cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của Chương trình Phát triển CNHT được ưu tiên đào tạo nâng cao trình độ ở trong nước và nước ngoài theo các chương trình đào tạo của nhà nước. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, liên doanh, liên kết để xây dựng các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp cho sản xuất sản phẩm CNHT; Cơ sở đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sản xuất sản phẩm CNHT được tài trợ, hỗ trợ từ các quỹ về khoa học và công nghệ, đào tạo và các quỹ khác; Nhà nước khuyến khích các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hiện có tham gia vào việc đào tạo nguồn nhân lực cho ngành CNHT.

Về hợp tác quốc tế về CNHT

Nhà nước khuyến khích mở rộng hợp tác quốc tế trong hoạt động CNHT, đặc biệt là với quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia, tập đoàn kinh tế nước ngoài có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến nhằm thu hút đầu tư, tạo mối liên kết giữa các tổ chức, cá nhân hoạt động CNHT Việt Nam và nước ngoài; khuyến khích đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm, chuyển giao công nghệ tiên tiến vào Việt Nam nhằm nâng cao năng lực cho các DN CNHT trong nước; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển nhân lực CNHT, ưu tiên hợp tác đào tạo sinh viên các ngành kỹ thuật CNHT tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; thu hút, sử dụng có hiệu quả người có trình độ cao, lực lượng trẻ tài năng hợp tác nghiên cứu, giảng dạy CNHT tại Việt Nam.

Về hỗ trợ phát triển thị trường

Các sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển được: Ưu tiên tham gia vào Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia. Hỗ trợ một phần chi phí đăng ký thương hiệu, kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước và ngoài nước, kinh phí tiếp cận

thông tin thị trường và phí dịch vụ từ Chương trình Phát triển CNHT.

Để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển CNHT trên, Chính phủ đã thành lập Trung tâm Phát triển CNHT cấp trung ương trực thuộc Bộ Công Thương, và cấp địa phương thuộc các Sở Công thương của các tỉnh, thành phố để thực hiện các hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ chế tạo thử nghiệm sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển; hỗ trợ các DN xây dựng hệ thống quản trị sản xuất phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; đào tạo nguồn nhân lực; xúc tiến thương mại; tổ chức hội chợ, triển lãm... để thúc đẩy hoạt động CNHT.

2.2. Cơ hội của các DNNVV khi tham gia vào lĩnh vực CNHT

Việt Nam có tiềm năng rất lớn để phát triển những ngành công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là các ngành có tiềm năng xuất khẩu lớn như hóa dầu, chế biến nông sản xuất khẩu, kinh tế biển, công nghệ thông tin, ô tô... dựa trên những lợi thế vốn có của quốc gia từ đó tạo ra những cơ hội nhất định cho các DNNVV tham gia vào lĩnh vực CNHT. Cụ thể:

- Về thị trường

Ở Việt Nam, nhu cầu thị trường linh phụ kiện cao, hiện nay dung lượng thị trường một số ngành đã đủ lớn để tập trung phát triển ngành cung ứng linh kiện và phụ tùng, đặc biệt là ngành điện, điện tử. Dự báo trong tương lai không xa các ngành Điện, Điện tử sẽ có xu thế tăng cao để đáp ứng nhu cầu của người dân. Với định hướng phát triển Việt Nam trở thành trung tâm chế biến, chế tạo mới của thế giới sau năm 2015, sẽ hứa hẹn ngày càng nhiều các nhà đầu tư, các doanh nghiệp phát triển thuộc các lĩnh vực công nghiệp khác nhau đầu tư vào Việt Nam. Xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp chuyên sâu sẽ là cơ hội phát triển thị trường của các doanh nghiệp CNHT.

- Các khoản thuế, phí tương đối thấp

Chính phủ Việt Nam có những chính sách ưu đãi đặc biệt dành cho phát triển các DNNVV

nói chung và những chính sách ưu đãi riêng dành cho DN tham gia vào lĩnh vực CNHT như những ưu đãi về tài chính, thuế, phí, về nguồn vốn vay với lãi suất thấp; những ưu đãi về cơ sở hạ tầng đất đai về đầu tư, về nguồn nhân lực, rồi chính sách khuyến khích thành lập các DN sản xuất CNHT, xây dựng các quỹ đặc thù riêng cho CNHT, hình thành tổ chức đầu mối để thực hiện sự quản lý Nhà nước dẫn dắt liên kết các DN làm CNHT. Những yếu tố này đảm bảo tạo một cơ chế ưu đãi tốt cho các DNNVV tham gia vào lĩnh vực CNHT, thúc đẩy CNHT trong nước phát triển.

- Về nguồn nhân lực

Nhân tố quan trọng nhất cho sự phát triển CNHT là nguồn lao động có kỹ thuật cao do hàm lượng công nghệ trong sản phẩm CNHT là rất lớn. Số lượng nguồn nhân lực ở các doanh nghiệp Việt Nam tương đối lớn, chi phí nhân công thấp hơn các quốc gia trong khu vực. Số lượng các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, cao đẳng nghề trong các lĩnh vực đào tạo cơ khí, chế tạo, điện, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin ở Việt Nam gia tăng nhanh chóng. Số lượng học sinh, sinh viên theo học các ngành kỹ thuật ngày càng nhiều có thể đảm bảo cho yêu cầu về nhân lực trong phát triển CNHT. Với nguồn nhân lực phong phú tạo cơ hội cho các DNNVV tham gia vào lĩnh vực CNHT có thể lựa chọn được đội ngũ nhân lực phù hợp đáp ứng được yêu cầu công nghệ. Ngoài ra, nhân lực tham gia CNHT của Việt Nam còn trẻ, khả năng sáng tạo, say mê nghiên cứu, ứng dụng lớn, có thể tiếp thu và ứng dụng khoa học - công nghệ - kỹ thuật cao trong sản xuất kinh doanh.

- Về khả năng thu hút đầu tư FDI

Chính phủ Việt Nam luôn coi trọng đầu tư FDI với nền kinh tế, trong nhiều năm qua, lượng vốn FDI đổ vào Việt Nam tăng nhanh chóng. Chính phủ đang cố gắng tạo ra một môi trường đầu tư ổn định, an toàn, có hiệu quả để thu hút các nhà đầu tư đổ vốn vào thị trường Việt Nam. Các đối tác từ các quốc gia như Nhật

Bán, Hàn Quốc, Trung Quốc, Mỹ... là những đối tác có lượng vốn FDI cao. Như vậy, việc ngày càng nhiều các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam sẽ tạo cơ hội cho các DNNVV có điều kiện tiếp nhận trực tiếp các nguồn đầu tư FDI đồng thời tiếp cận với trình độ công nghệ hiện đại và trình độ quản lý của các nước phát triển.

- Tăng khả năng hội nhập kinh tế quốc tế của các DNNVV

Sau khi Việt Nam tham gia tổ chức WTO, khả năng hội nhập và sẵn sàng hội nhập của các doanh nghiệp tăng lên nhanh chóng. Các doanh nghiệp đã tự trang bị cho mình vũ khí để vươn ra quốc tế. Ngày nay, không một tập đoàn, một doanh nghiệp nào còn thực hiện sản xuất khép kín theo mô hình tích hợp dọc từ sử dụng nguyên liệu sơ chế để sản xuất các linh kiện, phụ tùng cho đến lắp ráp hoàn chỉnh. Các công đoạn khác nhau trong quy trình sản xuất được thực hiện tại các chi nhánh khác nhau trong cùng một doanh nghiệp đa quốc gia hoặc mua từ các doanh nghiệp hỗ trợ khác ngoài mạng lưới.

Quá trình toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Minh chứng cho điều này, có thể thấy một sản phẩm hoàn chỉnh có xuất xứ từ một nước nhưng các chi tiết, phụ tùng có thể xuất phát từ nhiều nước khác nhau. Quá trình chuyên môn hóa này tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phát triển, nhưng lại tùy thuộc vào khả năng hội nhập quốc tế. Các DNNVV của Việt Nam được đánh giá có khả năng hội nhập kinh tế. Tuy nhiên, sự am hiểu về luật pháp và các quy định thương mại quốc tế của các doanh nghiệp Việt Nam, khả năng ngoại ngữ của các doanh nghiệp Việt Nam còn ở mức hạn chế. Bằng việc tham gia lĩnh vực CNHT sẽ tạo nhiều cơ hội cho DNNVV được nâng cao các kiến thức về luật pháp quốc tế, tiếp cận với các DN nước ngoài, rèn luyện ngoại ngữ từ đó làm tăng khả năng hội nhập kinh tế quốc tế.

2.3. Lợi thế của các DNNVV khi tham gia lĩnh vực CNHT

DNNVV có cơ chế quản lý gọn nhẹ, năng động, linh hoạt, dễ thích nghi với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Đây là lợi thế để các DNNVV khi tham gia lĩnh vực CNHT có thể thích nghi được với những thay đổi và biến động của các doanh nghiệp nước ngoài, các dòng vốn đầu tư và đặc biệt là những áp lực từ môi trường kinh doanh đầy biến động trong khu vực và trên thế giới.

Do các DNNVV có quy mô gọn nhẹ nên chi phí quản lý thấp từ đó góp phần giảm giá thành sản phẩm, giúp cho các DNNVV có lợi thế cạnh tranh cao hơn về giá so với các doanh nghiệp lớn với cùng ngành và cùng dây chuyền công nghệ sản xuất. Đặc biệt khi tham gia lĩnh vực CNHT, phần lớn sản phẩm là những chi tiết nhỏ lẻ nên việc đòi hỏi một quy mô sản xuất lớn là không cần thiết.

Vốn đầu tư ban đầu ít giúp các doanh nghiệp nhanh chóng thành lập và nắm bắt được các cơ hội sản xuất và cung cấp những chi tiết nhỏ lẻ, là cơ sở cho việc mở rộng quy mô và sản xuất đa dạng các loại chi tiết. Quá trình thu hồi vốn nhanh và hiệu quả, đồng thời có thể tận dụng được tối đa được tất cả các nguồn lực của doanh nghiệp vào trong quá trình sản xuất góp phần nâng cao hiệu suất sử dụng vốn của các DNNVV hơn đối với các DN lớn.

Với quy mô nhỏ nên các DNNVV có thể chiếm lĩnh được những thị trường nhỏ chuyên biệt, hoặc mang tính chất đặc thù mà các doanh nghiệp lớn chưa với tới hoặc còn bỏ ngỏ. Khi tham gia lĩnh vực CNHT, các DNNVV có lợi thế hơn so với các DN lớn vì có thể tham gia vào tất cả các lĩnh vực và các ngành công nghiệp khác nhau, tham gia cung cấp đầy đủ các loại chi tiết lớn nhỏ khác nhau cho các doanh nghiệp chuyên sâu, đặc biệt là các chi tiết mà nhu cầu của các doanh nghiệp chuyên sâu không nhiều nên không hấp dẫn đối với các DN lớn đầu tư sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực đó.

1. Kinh nghiệm một số nước về hỗ trợ phát triển các DNNVV tham gia CNHT

Để thực hiện mục tiêu phát triển CNHT, mỗi quốc gia có sự lựa chọn về chính sách phát triển và đối tượng ưu tiên khác nhau. Tuy nhiên, việc lựa chọn DNNVV là đối tượng ưu tiên thúc đẩy phát triển là một hướng lựa chọn phổ biến ở các quốc gia có ngành CNHT phát triển.

1.1. Nhật Bản

Nhật Bản là quốc gia được nhắc đến với nền công nghiệp phát triển bậc nhất ở châu Á, là tấm gương về tinh thần và sự nỗ lực vươn lên trong khó khăn cho các quốc gia noi theo. Nhắc đến Nhật Bản người ta thường nói về sự “thần kỳ”, chỉ trong một thời gian ngắn Nhật Bản đã trở thành nền kinh tế đứng thứ 2 trên thế giới và thứ nhất ở châu Á.

Là nước công nghiệp có hàng loạt tập đoàn lớn đang khẳng định vị trí hàng đầu trên thế giới. Để có được thành quả như hiện nay, Chính phủ Nhật Bản đã đưa ra chiến lược phát triển CNHT, từ chỗ phụ thuộc vào công nghệ của nước ngoài thành quốc gia tự chủ và dẫn đầu về công nghệ như hiện nay. Để phục vụ nhà máy lắp ráp, Nhật Bản có hàng nghìn các DNNVV vệ tinh khác chuyên sản xuất các linh kiện phụ tùng hỗ trợ cho DN lớn.

Ngoài ra, Chính phủ Nhật Bản đánh giá rất cao vai trò của các DNNVV trong việc phát triển ngành công nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. Từ năm 1936, Nhật Bản đã có Quỹ Tài chính đầu tư vốn cho DNNVV để giúp các DN này vay vốn được dễ dàng hơn và tiếp cận được vốn trong thời gian ngắn. Bên cạnh những hỗ trợ về mặt tài chính, Chính phủ Nhật Bản còn hỗ trợ các DNNVV tham gia CNHT về công nghệ, đào tạo, thông tin, thị trường...

Trong quá trình hình thành CNHT của Nhật Bản, điều đáng chú ý là hệ thống CNHT hoàn toàn do các DN tư nhân phát triển lên. Chính phủ chỉ có những chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các DN hoạt động và phát huy năng lực. Điều này bắt buộc bản thân DN lớn cũng như DNNVV của Nhật Bản đều có sự nỗ lực và năng lực làm việc rất cao. Đây

chính là sự khác biệt để tạo ra sự thành công của các DN Nhật Bản.

Kinh nghiệm tại Nhật Bản cho thấy, ở mỗi địa phương đều có các Trung tâm với các cơ sở dữ liệu riêng, có sự tham gia của các quan chức chính quyền, các DN và các nhà nghiên cứu. Đây chính là các cơ sở dữ liệu thông tin để phát triển ngành CNHT. Các cơ sở dữ liệu này có chất lượng cao cung cấp thông tin chi tiết về các nhà cung cấp, tạo điều kiện dễ dàng hơn cho hoạt động của các DNNVV trong ngành CNHT.

Bên cạnh đó, vấn đề nguồn nhân lực cũng là một trong những chiến lược mà Nhật Bản đầu tư rất nhiều thời gian và công sức. Chính sách phát triển nguồn nhân lực được phối hợp thực hiện ở tất cả các cấp nhằm khuyến khích lao động có trình độ kỹ thuật tốt ngày càng hoàn thiện chất lượng, đáp ứng được yêu cầu vận hành những máy móc trang thiết bị hiện đại, theo kịp trình độ phát triển của công nghệ trên thế giới.

1.2. Thái Lan

Thái Lan là quốc gia đứng đầu trong ASEAN về phát triển các ngành CNHT phục vụ cho nhu cầu sản xuất của các DN có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Chính sự thuận lợi này đã giúp Thái Lan thành quốc gia sản xuất nhiều mặt hàng xuất khẩu như ô tô, xe máy, hàng điện tử, điện lạnh, điện gia dụng... của các công ty đa quốc gia.

Thái Lan đã đặc biệt chú trọng vào các chính sách khuyến khích và bảo vệ thị trường nội địa như chính sách nội địa hóa, giảm thuế nhằm phát triển nhanh các ngành sản xuất, từ đó làm tăng nhu cầu đối với các ngành CNHT. Đồng thời, nước này đã tận dụng lợi thế việc các công ty của Nhật Bản ồ ạt đầu tư sang các nước trong khu vực ASEAN để phát triển CNHT trong nước. Bên cạnh đó, Thái Lan còn khuyến khích các DNNVV đổi mới công nghệ thông qua việc miễn thuế thu nhập DN, miễn thuế nhập khẩu máy móc thiết bị trong một thời gian nhất định đối với những DNNVV hoạt động trong lĩnh vực CNHT. Ngoài ra, nước này đã đưa ra nhiều chính sách ưu đãi về thuế, thành lập các khu tự

do thương mại cho các dự án đầu tư vào phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm. Nổi bật nhất là hoạt động tăng cường liên kết với các doanh nghiệp FDI, đặc biệt là các DN Nhật Bản. Những năm qua, có thể thấy, vai trò của các doanh nghiệp FDI trong việc phát triển CNHT ở Thái Lan là rất lớn, nó được thể hiện thông qua chuyển giao công nghệ cho các DN CNHT trong nước...

Bên cạnh các chính sách ưu đãi cho phát triển CNHT nói trên, Thái Lan còn thành lập các ủy ban hỗ trợ về CNHT và các tổ chức chuyên lo phát triển xây dựng và hình thành mối liên kết công nghiệp trong nước. Cụ thể, năm 1985, Thái Lan đã thành lập Phòng Phát triển CNHT (BSID) trong Ủy ban Xúc tiến công nghiệp (DIP) thuộc Bộ Công nghiệp với sự hỗ trợ của Nhật Bản. Mục tiêu chính của BSID là hỗ trợ các DNNVV trong nước hoạt động trong các ngành CNHT như phối hợp với Nhật Bản tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề cho các lao động trong các DNNVV, hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo cho các ngành CNHT, thiết kế và phát triển mẫu và hỗ trợ hệ thống thầu phụ, đưa ra quy hoạch tổng thể cho phát triển CNHT... Tiếp đến, năm 1998, Thái Lan thành lập Cục Phát triển CNHT trực thuộc Vụ Xúc tiến công nghiệp của Bộ Công nghiệp, nhằm cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo cho các ngành CNHT, thiết kế và phát triển các khuôn cho sản xuất thiết bị điện tử gia công nhiệt và xúc tiến phát triển các nhà thầu phụ. Thái Lan hiện cũng có những viện nghiên cứu độc lập hỗ trợ cho các ngành công nghiệp, như Viện Ô tô, Viện Điện tử, Viện Thực phẩm, Viện Dệt may... nhằm hỗ trợ nghiên cứu và phát triển những ngành này.

Với kinh nghiệm hỗ trợ cho các DNNVV trong nước hoạt động trong các ngành CNHT đã đưa Thái Lan thành nước đứng đầu các nước ASEAN về phát triển CNHT.

1.3. Malaysia

Malaysia xếp sau Thái Lan ở khu vực Đông Nam Á về phát triển CNHT nhưng Malaysia

cũng có định hướng phát triển CNHT từ rất sớm. Theo đó, Chính phủ Malaysia đã thực hiện nhiều chương trình, chính sách khuyến khích phát triển ngành CNHT như: Ưu đãi thu hút DN FDI vào các ngành CNHT thông qua chính sách ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp FDI đầu tư vào sản xuất máy móc và linh kiện; sản xuất các thiết bị giao thông và linh kiện phụ tùng; sản xuất các thiết bị và linh kiện điện, điện tử; sản xuất các sản phẩm nhựa; xây dựng các chương trình phát triển các ngành công nghiệp quy mô nhỏ và vừa để phát triển các nhà cung cấp linh phụ kiện. Mục tiêu chính của chính sách này là nhằm tạo ra một thị trường công nghiệp mà các DNNVV của Malaysia có thể trở thành những nhà sản xuất và cung cấp đáng tin cậy về các sản phẩm đầu vào công nghiệp như: Máy móc, thiết bị cho ngành công nghiệp lớn...

Học hỏi kinh nghiệm từ Thái Lan, Malaysia cũng thành lập các cơ quan, tổ chức chuyên trách để quản lý ngành CNHT. Cụ thể, năm 1989, Malaysia đã thành lập Trung tâm Phát triển kỹ năng Penang (PSDC). Trung tâm này có nhiệm vụ nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động trong các DN, đặc biệt là DNNVV và những người vừa tốt nghiệp bậc phổ thông trung học, để vận hành những dây chuyền sản xuất hiện đại. PSDC được đánh giá là có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ngành CNHT Malaysia phát triển. Các chương trình đào tạo tại PSDC luôn được cập nhật để phù hợp với nhu cầu thị trường. PSDC còn là nơi các công ty đa quốc gia và các nhà cung cấp trong nước gặp gỡ, trao đổi thông tin chính thức lẫn không chính thức thông qua các khóa đào tạo kỹ thuật.

Tiếp đó là Chương trình Phát triển nhà cung cấp (VDP) được triển khai từ đầu những năm 1990. Nhiệm vụ của VDP là phát triển mạng lưới DNNVV chuyên cung cấp linh phụ kiện cho các công ty lớn hơn... Kế thừa và tiếp tục phát huy những kết quả trong việc phát triển CNHT, năm 1996, Malaysia đã thành lập Công ty Phát triển công nghiệp nhỏ và vừa (SMIDEC), với nhiệm vụ thúc đẩy, hỗ trợ

DNNVV nghiên cứu phát triển công nghệ, đồng thời tiếp thu công nghệ mới từ nước ngoài. Ngoài ra, SMIDEC (từ 2009 đã đổi tên thành SMEs Corp-Công ty phát triển DNNVV) cũng cung cấp hỗ trợ về mặt tài chính, tiếp cận thị trường, tư vấn dịch vụ, cấu trúc và nhiều thứ khác. Nhờ đó, các công ty đa quốc gia ở Malaysia có tỷ lệ mua sắm nội địa, mua linh kiện trong nước khá cao.

Như vậy, qua kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới và trong khu vực cho thấy việc phát triển CNHT cần bắt đầu từ việc thành lập các tổ chức chuyên trách quản lý CNHT, đồng thời phát triển mạng lưới các DNNVV là nơi thực hiện các hoạt động CNHT, là nơi tiếp thu công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và tiếp cận thị trường.

3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Thứ nhất, cần có các chính sách tạo điều kiện cho các DNNVV tham gia CNHT có thể tiếp cận các nguồn hỗ trợ tài chính.

Các DNNVV khi tham gia lĩnh vực CNHT luôn gặp khó khăn về vốn để đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, đáp ứng đòi hỏi của các doanh nghiệp chuyên sâu. Do đó, có thể xem xét việc thành lập các quỹ hỗ trợ tài chính cho các DNNVV tham gia CNHT hoặc cần có những chính sách và biện pháp thích hợp nhằm hỗ trợ DNNVV có thể dễ dàng tiếp cận được với nguồn vốn vay dài hạn cho đầu tư phát triển từ các ngân hàng, các định chế tài chính... như Thái Lan và một số nước đã làm.

Thứ hai, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ CNHT.

Nguồn nhân lực của nước ta hiện nay đang mất cân đối về cơ cấu lao động khi thiếu trầm trọng đội ngũ thợ lành nghề và kỹ sư trong các ngành khoa học kỹ thuật (kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật điện, hóa ứng dụng, chế tạo máy, luyện kim, điều khiển tự động...). Do đó, Chính phủ cần cải cách đào tạo đại học theo hướng cân đối lại số lượng tuyển sinh ở các ngành học, tạo điều kiện để sinh viên được nâng cao kỹ năng thực hành và có thái độ đúng đắn với môi trường làm việc của một DN sản xuất chuyên

ngành. Ngoài ra, thu hút sự hỗ trợ của các nước phát triển như Nhật Bản, Liên minh châu Âu (EU)... để đào tạo nguồn nhân lực cho ngành CNHT cần được xem xét triển khai.

Thứ ba, xây dựng hệ thống thông tin DNNVV tham gia CNHT.

Các DN trong ngành CNHT gặp khó khăn trong hoạt động, như đã chỉ ra ở phần thực trạng, một phần là do họ có quá ít thông tin về các khách hàng. Do đó, chúng ta cần thiết lập một hệ thống thông tin DN chính thức và xây dựng mạng lưới thông tin nội bộ DN. Để làm được việc này, các thông tin và dịch vụ hỗ trợ của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, của Công đoàn Hiệp hội Công nghiệp và Thương mại, của Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư cần được đẩy mạnh hơn. Hơn nữa, cần tăng cường công tác thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về các DN sản xuất hỗ trợ để làm cơ sở cho công tác giới thiệu, tìm kiếm đối tác.

Thứ tư, xây dựng các chương trình phát triển CNHT quy mô nhỏ.

Để thực hiện các mục tiêu phát triển CNHT, ngoài việc chú trọng tập trung cho các đối tượng ưu tiên là DNNVV và xây dựng các chính sách phát triển tổng thể thì cần xây dựng các chương trình, các chính sách phát triển CNHT cho từng khu vực nhỏ. Cụ thể: thành lập các khu tự do thương mại cho các dự án đầu tư vào phát triển từng ngành công nghiệp trọng

điểm, tăng cường liên kết các doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước cho từng lĩnh vực. Thậm chí có thể xây dựng chính sách ưu tiên phát triển CNHT cho từng địa phương dựa trên các thế mạnh của khu vực đó. Tập trung ưu tiên cho từng ngành ưu tiên phát triển đối với từng giai đoạn cụ thể để có những chính sách phù hợp.

Kết luận

DNNVV đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Với những đặc điểm và lợi thế riêng có, sự tham gia của các DNNVV trong lĩnh vực CNHT sẽ trở thành các vệ tinh cung cấp và hỗ trợ cho các doanh nghiệp lớn phát triển. Tuy nhiên, với những hạn chế nhất định, như hạn chế về năng lực tài chính, hạn chế về khả năng quản lý, đội ngũ, công nghệ, thị trường... các DNNVV rất cần nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ để có cơ hội tham gia tích cực và thành công trong lĩnh vực CNHT. Việc học hỏi kinh nghiệm của các nước đã thành công trong quá trình hỗ trợ phát triển các DNNVV tham gia lĩnh vực CNHT sẽ giúp cho Việt Nam giảm thiểu việc lãng phí các nguồn lực, tiết kiệm thời gian, giúp cho các DNNVV tham gia nhanh và thành công trong CNHT, tạo tiền đề và điều kiện quan trọng hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp lớn, góp phần thu hút mạnh nguồn vốn FDI, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp trong nước cũng như toàn bộ nền kinh tế trong giai đoạn hiện nay♦

Tài liệu tham khảo:

1. JETRO (2003): *Japanese – Affiliate Manufacture in ASia*.
2. MITI (1985): *White paper on Industrial and Trade*.
3. MPI-Cục DN. (2014): *Sách trắng về DNNVV Việt Nam 2014*. NXB Thống kê Hà Nội.
4. Nghị định số 111/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2011 về việc ban hành danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển.
5. Ohno K. (2007): *Building supporting industries in Vietnam, VDF&GRIPS*.
6. Phạm Thị Thu Hằng (2002): *Hợp tác chính phủ-DN nhằm tăng cường năng lực cho các DNNVV trong điều kiện hội nhập*, Kinh tế và phát triển.
7. Quyết định số 9028/QĐ-BCT của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển CNHT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
8. Trương Thị Chí Bình (2010): *Phát triển CNHT cho ngành điện tử gia dụng ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.